

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

**Quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin đối với mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể trên địa bàn tỉnh, doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước là hệ thống thông tin quan trọng quốc gia, được sử dụng trong hoạt động truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước (sau đây gọi là mạng truyền số liệu chuyên dùng và viết tắt là “mạng TSLCD”). Mạng TSLCD bao gồm mạng TSLCD cấp I và mạng TSLCD cấp II.

2. Mạng TSLCD cấp I do Cục Bưu điện Trung ương trực tiếp quản lý, vận hành và khai thác, kết nối đến:

a) Văn phòng Trung ương Đảng, các ban Đảng Trung ương, các Đảng bộ trực thuộc Trung ương, các cơ quan trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương;

b) Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

c) Văn phòng Chủ tịch nước;

d) Văn phòng Chính phủ, các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc

Chính phủ;

đ) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tại Trung ương;

e) Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước;

g) Tỉnh ủy, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Mạng TSLCD cấp II kết nối đến:

a) Các ban thuộc tỉnh ủy, thành ủy; huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy; Đảng ủy xã, phường, thị trấn;

b) Hội đồng nhân dân cấp huyện và cấp xã;

c) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã;

d) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và cấp huyện;

đ) Tòa án nhân dân cấp cao; tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương;

e) Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, viện kiểm sát nhân dân cấp huyện;

g) Kiểm toán nhà nước khu vực;

h) Các đối tượng khác theo yêu cầu của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

4. Đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II là các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể trên địa bàn tỉnh có điểm kết nối vào mạng TSLCD cấp II.

5. Dịch vụ truy nhập Internet chuyên dùng là dịch vụ Internet kết nối qua cổng Internet của mạng TSLCD để phục vụ các ứng dụng chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước cấp Trung ương trên mạng TSLCD.

6. Cổng kết nối vào mạng TSLCD là thiết bị mạng, thiết bị bảo mật hoặc thiết bị khác có chức năng tương đương để cung cấp giao diện kết nối giữa hệ thống mạng của cơ quan, tổ chức với mạng TSLCD.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH MẠNG TSLCD CẤP II

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành mạng TSLCD cấp II

1. Quản lý, vận hành mạng TSLCD phải bảo đảm khai thác hiệu quả tài

nguyên mạng và nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

2. Mạng TSLCD được quản lý, vận hành tập trung, thống nhất; được rà soát kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất để bảo đảm an toàn, bảo mật và tính sẵn sàng cao trong quá trình vận hành và sử dụng.

3. Mạng TSLCD phải bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt, liên tục (24 giờ/ngày và 7 ngày/tuần).

Điều 5. Danh mục dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD cấp II

1. Dịch vụ cơ bản

- a) Dịch vụ mạng riêng ảo (điểm điểm, đa điểm);
- b) Dịch vụ kênh thuê riêng;
- c) Dịch vụ truy nhập Internet chuyên dùng;
- d) Dịch vụ hội nghị truyền hình;
- đ) Dịch vụ thoại;
- e) Các dịch vụ cơ bản khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Dịch vụ giá trị gia tăng

- a) Dịch vụ thư thoại;
- b) Dịch vụ thư điện tử;
- c) Dịch vụ IPTV;
- d) Dịch vụ thuê máy chủ ảo;
- đ) Các dịch vụ giá trị gia tăng khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Dịch vụ cộng thêm

- a) Các dịch vụ cộng thêm của thoại IP, gồm: dịch vụ hiển thị số chủ gọi, dịch vụ chờ cuộc gọi, dịch vụ chuyển cuộc gọi, dịch vụ chặn cuộc gọi, dịch vụ quay số tắt;
- b) Các dịch vụ cộng thêm khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ KẾT NỐI VÀ SỬ DỤNG MẠNG TSLCD CẤP II

Điều 6. Yêu cầu về kết nối đối với đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II

1. Doanh nghiệp viễn thông phải bảo đảm kết nối giữa các điểm thuộc mạng TSLCD cấp II căn cứ theo nhu cầu sử dụng của các cơ quan Đảng, Nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và bảo đảm thực hiện các yêu cầu về kết

nối theo yêu cầu của Cục Bưu điện Trung ương.

2. Để bảo đảm kết nối giữa mạng TSLCD cấp I và cấp II, doanh nghiệp viễn thông phải thiết lập kết nối trung kế sang mạng TSLCD cấp I.

3. Phương thức kết nối:

a) Các điểm kết nối mạng TSLCD cấp II được định tuyến trực tiếp về thiết bị tập trung của mạng TSLCD cấp I hoặc định tuyến về thiết bị tập trung mạng diện rộng của địa phương;

b) Các điểm kết nối mạng TSLCD cấp II kết nối đến mạng TSLCD cấp I phải được định tuyến qua thiết bị tập trung của mạng TSLCD cấp I.

4. Tài nguyên địa chỉ IP và thông số định tuyến: bảo đảm thống nhất tài nguyên địa chỉ IP và thông số định tuyến theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Bưu điện Trung ương) cho mạng TSLCD.

Điều 7. Yêu cầu về kết nối trung kế giữa mạng TSLCD cấp II và mạng TSLCD cấp I

1. Địa điểm kết nối: do Cục Bưu điện Trung ương và doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối mạng TSLCD cấp II tham gia kết nối thống nhất trên cơ sở lựa chọn địa điểm kết nối trên mạng khả thi về mặt kỹ thuật nhưng không được vi phạm các quy định về kết nối tại các Điều 42 và 44 của Luật Viễn thông.

2. Phương thức và giao diện kết nối: kết nối hai đường cáp quang trực tiếp theo hai hướng khác nhau giữa mạng TSLCD cấp I và mạng TSLCD cấp II đáp ứng các yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin quy định tại khoản 1 và 2 Điều 11 của Quy định này.

3. Tài nguyên địa chỉ IP và thông số định tuyến: bảo đảm thống nhất tài nguyên địa chỉ IP và thông số định tuyến theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Bưu điện Trung ương) cho mạng TSLCD.

Điều 8. Yêu cầu về hạ tầng mạng của doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối cho mạng TSLCD cấp II

1. Doanh nghiệp viễn thông được cung cấp dịch vụ trên mạng TSLCD cấp II phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có mạng lưới tại đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Có đủ năng lực hạ tầng mạng kết nối đến các đơn vị thuộc mạng TSLCD cấp II;

c) Có đội ngũ nhân sự bảo đảm giám sát, vận hành và hỗ trợ xử lý sự cố trực tiếp tại các điểm kết nối, có đường kết nối đến mạng TSLCD cấp I;

d) Được cơ quan Đảng, Nhà nước tại địa phương lựa chọn là đơn vị cung

cấp dịch vụ.

2. Các kết nối đến mạng TSLCD phải bảo đảm an toàn, bảo mật đường truyền theo quy định.

3. Dịch vụ được triển khai trên mạng TSLCD cấp II phải tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

4. Doanh nghiệp viễn thông phải sử dụng thiết bị định tuyến riêng cho việc kết nối đến mạng TSLCD cấp I và thiết bị tập trung kết nối các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II.

Điều 9. Sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD cấp II

Việc sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD cấp II được quy định tại Điều 10 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể như sau:

1. Việc sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD phải tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin, an toàn thông tin và lưu trữ.

2. Thông tin được sử dụng, chia sẻ và lưu trữ trên mạng TSLCD phải là những thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị sử dụng mạng TSLCD.

3. Thông tin quan trọng truyền tải trên mạng TSLCD phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, mã hóa bằng mật mã cơ yếu.

Chương IV

BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN MẠNG TSLCD CẤP II

Điều 10. Quy định chung về bảo đảm an toàn thông tin cho hạ tầng mạng TSLCD cấp II

Quy định chung về bảo đảm an toàn thông tin cho hạ tầng mạng TSLCD cấp II được quy định tại Điều 11 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể như sau:

1. Thiết kế hạ tầng mạng có phân vùng thành từng vùng mạng chức năng phù hợp với hệ thống thông tin theo cấp độ tương ứng.

2. Phải có phương án quản lý truy nhập hệ thống từ các mạng bên ngoài, nhằm quản lý và ngăn chặn các truy nhập trái phép từ các mạng bên ngoài vào mạng trong.

3. Phải có biện pháp quản lý truy nhập từ bên trong mạng ra các mạng bên ngoài và mạng Internet, nhằm bảo đảm chỉ những kết nối mạng hợp lệ theo chính sách của cơ quan, tổ chức mới được cho phép kết nối ra bên ngoài.

4. Phải có phương án lưu trữ và quản lý nhật ký hệ thống phục vụ việc theo dõi, giám sát hoạt động bình thường, các hoạt động liên quan đến an toàn thông tin của hệ thống.

5. Phải có phương án phòng, chống xâm nhập, phần mềm độc hại, nhằm giám sát phát hiện sớm, xử lý và ngăn chặn những cuộc tấn công mạng, những sự kiện bất thường xảy ra trên hệ thống qua môi trường mạng.

6. Phải có phương án bảo vệ các thiết bị mạng, thiết bị an toàn thông tin trong hệ thống, nhằm giám sát và ngăn cản truy nhập, thay đổi trái phép cấu hình và hoạt động của thiết bị.

Điều 11. Quy định về bảo đảm an toàn thông tin cho mạng TSLCD cấp II

1. Mạng TSLCD cấp II phải đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và các yêu cầu cơ bản cho hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên theo tiêu chuẩn TCVN 11930:2017.

2. Quy định về Hệ thống thông tin khi kết nối vào Mạng TSLCD:

a) Đơn vị sử dụng phải tách riêng phân hệ kết nối mạng TSLCD với phân hệ kết nối mạng Internet;

b) Hệ thống thông tin khi kết nối vào mạng TSLCD phải đáp ứng các yêu cầu an toàn theo quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Cổng kết nối của hệ thống phải đáp ứng các yêu cầu an toàn tại Phụ lục 1 Quy định này;

c) Trung tâm dữ liệu khi kết nối vào mạng TSLCD phải đáp ứng các yêu cầu an toàn theo quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và các yêu cầu an toàn tại Phụ lục 2 Quy định này.

Điều 12. Quy định về bảo đảm an toàn thông tin cho phân hệ quản lý mạng TSLCD cấp II

1. Phân hệ quản lý mạng phải được tách riêng với các phân hệ mạng khác và không được kết nối Internet.

2. Có hệ thống quản lý xác thực tập trung đối với các tài khoản truy cập cấu hình thiết bị, phân quyền phù hợp cho người quản trị.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 13. Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II

Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II được quy định tại Điều 16 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Điều 2 Thông tư số 43/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể như sau:

1. Công bố các điểm đăng ký dịch vụ, hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố và

giải quyết khiếu nại (sau đây gọi tắt là điểm đăng ký dịch vụ) với các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II.

2. Xây dựng và công bố quy định chi tiết các nội dung hợp đồng mẫu và ủy quyền điểm đăng ký dịch vụ gần nhất tiến hành thương thảo, ký kết hợp đồng với đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II.

3. Thực hiện công khai giá cước dịch vụ trên mạng TSLCD theo đúng quy định tại Thông tư số 43/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Bảo đảm chất lượng dịch vụ, độ sẵn sàng đối với các điểm kết nối thuộc mạng TSLCD cấp II tại tỉnh.

5. Tuân thủ các quy định về kết nối, chất lượng mạng và bảo đảm an toàn thông tin đối với mạng TSLCD theo quy định do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

6. Huy động hạ tầng, năng lực của doanh nghiệp để Cục Bưu điện Trung ương phục vụ thông tin khẩn cấp theo yêu cầu của các cơ quan Đảng, Nhà nước tại Trung ương.

7. Triển khai các giải pháp và hệ thống thiết bị dự phòng và con người để bảo đảm cơ sở hạ tầng mạng TSLCD hoạt động liên tục và an toàn.

8. Phải báo cáo và chịu sự giám sát, thẩm định của Cục Bưu điện Trung ương đối với các dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD và các sự cố đối với mạng TSLCD cấp II.

9. Định kỳ trước ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 12 hàng năm, tổng hợp, báo cáo về tình hình khai thác, sử dụng mạng TSLCD tại địa phương với Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp viễn thông thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn mạng và thông tin trên mạng TSLCD cấp II.

2. Chủ trì kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm quy định về sử dụng, chia sẻ, lưu trữ thông tin và an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.

3. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các nội dung của Quy định này cho các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các đơn vị này quản lý, khai thác hiệu quả mạng TSLCD cấp II.

4. Khi cần bổ sung, thay đổi điểm kết nối mạng TSLCD cấp II, Sở Thông tin và Truyền thông gửi đề nghị bằng văn bản về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Bưu điện Trung ương).

5. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Bưu điện Trung ương) theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Quy định này.

Điều 15. Trách nhiệm của đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II

1. Quản lý, khai thác và bảo vệ cổng kết nối vào mạng TSLCD đặt tại đơn vị sử dụng theo các quy định tại Phụ lục 1 Quy định này.

2. Bảo đảm nội dung, thông tin truyền đưa trên mạng TSLCD theo đúng quy định pháp luật.

3. Không thay đổi kết nối, thông số thiết lập mạng của các thiết bị liên quan đến mạng TSLCD không thuộc thẩm quyền, gây xung đột tài nguyên, ảnh hưởng đến việc vận hành hệ thống mạng TSLCD.

4. Khi có sự cố xảy ra, cần thông báo kịp thời cho người có thẩm quyền để giải quyết.

5. Chịu trách nhiệm các vấn đề liên quan như:

a) Quản lý hệ thống tường lửa của đơn vị đối với mạng TSLCD;

b) Quản lý bộ tập trung người dùng mạng riêng ảo của đơn vị được thiết lập (nếu có) trên nền tảng mạng TSLCD;

c) Quản lý các tên miền của đơn vị;

d) Quản lý các chính sách kết nối Internet của đơn vị thông qua mạng TSLCD;

đ) Ghi lại các sự cố, lỗi xảy ra về kết nối mạng TSLCD, về an toàn, bảo mật thông tin; trường hợp có sự cố nghiêm trọng vượt quá khả năng khắc phục của đơn vị phải thông báo với điểm đăng ký dịch vụ gần nhất của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ để phối hợp khắc phục kịp thời, nhanh chóng.

e) Quản lý truy nhập, giám sát và ngăn chặn nguy cơ mất an toàn thông tin từ hệ thống thông tin của đơn vị sử dụng khi kết nối vào mạng TSLCD và các mạng bên ngoài;

g) Xây dựng phương án ứng cứu sự cố an toàn thông tin.

6. Đăng ký sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số để bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin trên mạng TSLCD.

7. Trong trường hợp có kế hoạch nâng cấp, bảo trì hệ thống mạng nội bộ có ảnh hưởng đến mạng TSLCD, cần thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông hoặc điểm đăng ký dịch vụ gần nhất của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trước tối thiểu 05 ngày làm việc để bảo đảm phù hợp với quy hoạch tổng thể của mạng TSLCD.

8. Bảo đảm tuân thủ các quy định về quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD; xây dựng quy chế nội bộ về sử dụng mạng TSLCD.

9. Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, về quản lý và cấp phép cung cấp thông tin, thiết lập trang thông tin điện tử trên Internet, về chế độ bảo mật, an toàn thông tin. **Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương xây dựng kế hoạch, triển khai kết nối hệ thống thông tin của đơn vị sử dụng với mạng TSLCD.**

10. Trước ngày 01 tháng 12 hàng năm, báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông tình hình khai thác, sử dụng mạng TSLCD trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể trên địa bàn tỉnh; Giám đốc doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai Quy định này.

Điều 17. Xử lý vi phạm

Cá nhân, đơn vị nào có hành vi vi phạm Quy định này sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành thuộc lĩnh vực viễn thông, lĩnh vực công nghệ thông tin.

Điều 18. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý hoặc sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Vĩnh